TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: **62**/2024/HNGĐ - ST Ngày 16 - 8 - 2024 V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Nhâm
2. Ông Lương Quang Toán

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/3/2024 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 09/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Triệu Trung N, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Chị La Thị M, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Triệu Trung N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị La Thị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống anh và chị Mụi sống tại thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai anh chị ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai người vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh

xác định đã hết tình cảm với chị La Thị M nên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị La Thị M.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị La Thị M có 01 con chung là Triệu Quang Tr, sinh ngày 25/10/2005. Hiện tại con chung của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị La Thị M không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị La Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Trung N được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống chị và anh Nhâm sống tại thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai anh chị ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai người vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Trung N có 01 con chung là Triệu Quang Tr, sinh ngày 25/10/2005. Hiện tại con chung của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống chị và anh N có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Trung N không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Anh Triệu Trung N và chị La Thị M tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống, anh Triệu Trung N và chị La Thị M sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Tình cảm hai người ban đầu bình thường, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Hiện tại anh N và chị M đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình chung sống anh Triệu Trung N và chị La Thị M có 01 con chung là Triệu Quang Tr, sinh ngày 25/10/2005. Hiện tại con chung của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung trong quá trình

chung sống của anh Triệu Trung N và chị La Thị M cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn anh Triệu Trung N thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị La Thị M thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không có lý do).

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Trung N:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Trung N và chị La Thị M.

+ Về con chung: Quá trình chung sống anh Triệu Trung N và chị La Thị M có 01 con chung là Triệu Quang Tr, sinh ngày 25/10/2005. Hiện tại con chung của anh N và chị M đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không đề nghị giải quyết về tài sản, đất đai, vay nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh Triệu Trung N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị La Thị M không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Anh Triệu Trung N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị La Thị M, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị La Thị M có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn anh Triệu Trung N và bị đơn chị La Thị M đều có Đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Triệu Trung N thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị La Thị M chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Trung N và chị La Thị M chung sống như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống tình cảm giữa anh N và chị M ban đầu bình thường, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Anh N xác định không còn tình cảm với chị M nên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh Triệu Trung N và chị La Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Trung N và chị La Thị M là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Triệu Trung N và chị La Thị M đều xác định có 01 con chung là Triệu Quang Tr, sinh ngày 25/10/2005. Hiện tại con chung của anh N và chị M đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Triệu Trung N xác định không có tài sản, đất đai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị La Thị M xác định quá trình chung sống giữa chị và anh N có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung nhưng đề nghị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự trong việc xác định có hay không có tài sản chung. Tuy nhiên, cả hai đương sự đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc phân chia tài sản trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện phân chia tài sản trong thời kỳ chung sống cho các đương sự trong vụ án khác, nếu các bên có yêu cầu.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định trong quá trình chung sống không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn anh Triệu Trung N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị La Thị M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Triệu Trung N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Trung N và chị La Thị M.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Triệu Trung N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000829, ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận anh Triệu Trung N đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn chị La Thị M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Triệu Trung N và bị đơn chị La Thị M được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Sơn Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San